

Số: /TTr-SNNMT

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

“Dự thảo”

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Quyết định quy định thời gian, tỷ lệ tính hao mòn; thời gian, tỷ lệ trích khấu hao đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: UBND tỉnh Hà Tĩnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025; Văn bản số 5470/UBND-NL₁ ngày 28/7/2025 của UBND tỉnh về việc chủ trương xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng Dự thảo Quyết định về việc quy định thời gian, tỷ lệ tính hao mòn; thời gian, tỷ lệ trích khấu hao đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

Trong thời gian qua, việc quản lý, hạch toán, tính hao mòn và trích khấu hao đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh chưa có quy định cụ thể của UBND tỉnh. Trên cơ sở quy định tại:

- Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 24/2025/TT-BTC ngày 09/5/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi quy định “Căn cứ vào quy mô, cấp, hạng công trình, đặc điểm kinh tế, xã hội của từng địa phương; căn cứ vào thời gian tính hao mòn/trích khấu hao, tỷ lệ hao mòn/khấu hao quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này; căn cứ đề nghị của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, cơ quan chuyên môn về thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp quyết định thời gian tính hao mòn/trích khấu hao và tỷ lệ hao mòn/khấu hao cụ thể đối với từng hệ thống, từng tài sản độc lập (từng đối tượng ghi sổ kế toán) đối với hệ thống và các tài

sản độc lập có thời gian tính hao mòn/trích khấu hao và tỷ lệ hao mòn/ khấu hao theo khung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, đảm bảo phù hợp”. Như vậy, việc tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định thời gian, tỷ lệ tính hao mòn và thời gian, tỷ lệ trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là cần thiết.

- Điểm c khoản 1 Điều 8 Thông tư số 73/2022/TT-BTC ngày 15/12/2022 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch; trong đó quy định đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn: “c) Căn cứ vào quy mô công trình, công nghệ cấp nước, xử lý nước, vật liệu đường ống, đặc điểm kinh tế, xã hội của từng địa phương; căn cứ vào khung thời gian tính hao mòn/trích khấu hao, khung tỷ lệ hao mòn/khấu hao quy định tại điểm a, điểm b khoản này; căn cứ đề nghị của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch và cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (nếu có), cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thời gian tính hao mòn/trích khấu hao và tỷ lệ hao mòn/khấu hao cụ thể đối với từng hệ thống, từng tài sản độc lập (từng đối tượng ghi sổ kế toán), đảm bảo phù hợp với lộ trình điều chỉnh giá nước sạch được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định”. Như vậy, việc tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định quy định thời gian, tỷ lệ tính hao mòn và thời gian, tỷ lệ trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung là cần thiết.

- Chủ trương xây dựng Quyết định Quy định thời gian, tỷ lệ tính hao mòn; thời gian, tỷ lệ trích khấu hao đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh; trong đó giao: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan, căn cứ quy định pháp luật hiện hành, ý kiến của Sở Tư pháp tại Văn bản nêu trên, tổ chức soạn thảo, tham mưu theo đúng quy trình, quy định của pháp luật, đảm bảo tính phù hợp, khả thi, hiệu quả, hoàn thiện, trình UBND tỉnh trước ngày 30/11/2025.

Do đó, cần thiết xây dựng “Quyết định Quy định thời gian, tỷ lệ tính hao mòn; thời gian, tỷ lệ trích khấu hao đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh” để giải quyết những vấn đề bất cập, nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng tài sản công, đảm bảo minh bạch, đầy đủ trong công tác hạch toán quyết toán và sự thống nhất trong hệ thống pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Mục đích ban hành văn bản

- Quy định cụ thể thời gian, tỷ lệ tính hao mòn và thời gian, tỷ lệ trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 24/2025/TT-BTC ngày 09/5/2025 của Bộ

Tài chính về việc hướng dẫn việc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

- Quy định cụ thể thời gian, tỷ lệ tính hao mòn và thời gian, tỷ lệ trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 Thông tư số 73/2022/TT-BTC ngày 15/12/2022 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Quyết định

- Bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật; tuân thủ đúng thẩm quyền, nội dung, hình thức và trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Quy định cụ thể thời gian, tỷ lệ tính hao mòn; thời gian, tỷ lệ trích khấu hao đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung để các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp được giao quản lý tài sản có cơ sở để theo dõi, kế toán tài sản kết cấu hạ tầng đúng quy định.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã thực hiện quá trình soạn thảo dự thảo Quyết định theo quy định, cụ thể:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Văn bản số 3480/SNNMT-TL ngày 04/7/2025 gửi Chủ tịch UBND tỉnh Về việc xây dựng “Quyết định quy định thời gian, tỷ lệ tính hao mòn; thời gian, tỷ lệ trích khấu hao đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh”. UBND tỉnh đồng ý chủ trương tại Văn bản số 5470/UBND-NL₁ ngày 28/7/2025.

2. Thành lập Tổ soạn thảo và lấy ý kiến các Sở, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Hà Tĩnh, các tổ chức chính trị xã hội, UBND các xã, phường, các Công ty TNHH MTV Thủy lợi và ý kiến của người dân qua Cổng thông tin điện tử tỉnh.

3. Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan; Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn chỉnh dự thảo Quyết định gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Văn bản số/SNNMT-TL ngày/.../2025.

4. Ngày/.../2025, Sở Tư pháp có Báo cáo thẩm định số/STP-XDKT&TDTHPL về kết quả thẩm định dự thảo Quyết định.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, sửa bổ sung theo thẩm định của Sở Tư pháp và hoàn thiện dự thảo, Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện dự thảo kính trình UBND tỉnh quyết định ban hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định cụ thể thời gian, tỷ lệ tính hao mòn và thời gian, tỷ lệ trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn tập trung.

b) Quyết định này không điều chỉnh đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

2. Đối tượng áp dụng

a) Áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung gồm:

- Đơn vị sự nghiệp công lập;
- Cơ quan chuyên môn về thủy lợi, nước sạch nông thôn tập trung;
- Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được giao quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
- Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung.

b) Các cơ quan, đơn vị khác liên quan đến việc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung.

2. Bố cục của dự thảo Văn bản

Dự thảo Quyết định gồm 05 Điều

- Điều 1: Phạm vi điều chỉnh
- Điều 2: Đối tượng áp dụng
- Điều 3: Quy định cụ thể về thời gian, tỷ lệ hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung
- Điều 4: Quy định cụ thể về thời gian, tỷ lệ hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi
- Điều 5: Tổ chức thực hiện

3. Nội dung cơ bản

Quy định cụ thể thời gian, tỷ lệ tính hao mòn và thời gian, tỷ lệ trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, hạ tầng nước sạch nông thôn tập trung. Trong đó có nội dung chính như sau:

3.1. Đối với thời gian, tỷ lệ hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung (tại Điều 3)

a. Về quy định tính hao mòn hoặc trích khấu hao

Tại điểm b khoản 3 Điều 7 Thông tư số 73/2022/TT-BTC ngày 15/12/2022 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định như sau:

“b) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung phải được trích khấu hao toàn bộ. Trường hợp việc trích khấu hao toàn bộ ảnh hưởng đến giá cung cấp nước sinh hoạt theo quy định thì căn cứ vào tình hình thực tế của từng thời kỳ, trên cơ sở báo cáo của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch và ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định:

b1) Thực hiện tính hao mòn toàn bộ, không trích khấu hao.

b2) Vừa tính hao mòn vừa trích khấu hao và quy định cụ thể về tỷ lệ phần trăm (%) phân bổ mức tính hao mòn/trích khấu hao đối với từng tài sản”.

Như vậy, căn cứ quy định nêu trên, để giảm tác động của việc tính khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung đến giá nước sinh hoạt thì Sở Nông nghiệp và Môi trường đã lựa chọn xây dựng Dự thảo như sau: Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung thực hiện tính hao mòn hoặc trích khấu hao để phù hợp với tình hình thực tế của từng thời kỳ, góp phần ổn định đời sống của nhân dân. Trong quá trình thẩm định Phương án giá nước sạch của các đơn vị, cơ quan thẩm định sẽ tham mưu UBND tỉnh xem xét đối với việc trích khấu hao, hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung.

b. Về thời gian, tỷ lệ hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung

Thông tư số 73/2022/TT-BTC ngày 15/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đã quy định khung thời gian, tỷ lệ tính hao mòn/trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã căn cứ đặc điểm của công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, thực tiễn công tác quản lý, vận hành để đề xuất cụ thể thời gian, tỷ lệ tính hao mòn/trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung như sau:

TT	Loại tài sản	Thông tư số 73/2022/TT-BTC	Dự thảo Quyết định	Ghi chú
----	--------------	----------------------------	--------------------	---------

		Thời gian tính hao mòn/ trích khấu hao (năm)	Tỷ lệ hao mòn/khấu hao (%/năm)	Thời gian tính hao mòn/ trích khấu hao (năm)	Tỷ lệ hao mòn/khấu hao (%/năm)	
1	Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung thực hiện ghi sổ kế toán theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh					
1	Hệ thống công trình cấp nước bơm dẫn	10 - 30	3,33 - 10	20	5	Dựa trên cơ sở đặc điểm của công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, thực tiễn công tác quản lý,
2	Hệ thống công trình cấp nước tự chảy	10 – 30	3,33 - 10	20	5	Dựa trên cơ sở đặc điểm của công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, thực tiễn công tác quản lý
3	Hệ thống công trình cấp nước hồ treo	10 - 30	3,33 - 10	20	5	Dựa trên cơ sở đặc điểm của công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, thực tiễn công tác quản lý
2	Trường hợp đối tượng ghi sổ kế toán là từng tài sản độc lập					
1	Công trình khai thác nước	10 – 30	3,33 - 10	20	5	Dựa trên cơ sở đặc điểm của công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, thực tiễn công tác quản lý
2	Công trình xử lý nước	10 - 30	3,33 - 10	20	5	Dựa trên cơ sở đặc điểm của công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, thực tiễn công tác quản lý
3	Mạng lưới ống cung cấp	10 - 30	3,33 - 10	20	5	Dựa trên cơ sở đặc điểm của công trình cấp

TT	Loại tài sản	Thông tư số 73/2022/TT-BTC		Dự thảo Quyết định		Ghi chú
		Thời gian tính hao mòn/ trích khấu hao (năm)	Tỷ lệ hao mòn/khấu hao (%/năm)	Thời gian tính hao mòn/ trích khấu hao (năm)	Tỷ lệ hao mòn/khấu hao (%/năm)	
	nước sạch bằng HDPE					nước sạch nông thôn tập trung, thực tiễn công tác quản lý
4	Mạng lưới đường ống cấp nước bằng PVC và HDPE	10 - 30	3,33 - 10	10	10	Dựa trên cơ sở đặc điểm của công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, thực tiễn công tác quản lý
5	Thiết bị đo đếm nước	5 - 15	6,67 - 20	8	12,5	Dựa trên cơ sở đặc điểm của công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, thực tiễn công tác quản lý
6	Các công trình phụ trợ có liên quan	10 - 30	3,33 - 10	10	10	Dựa trên cơ sở đặc điểm của công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, thực tiễn công tác quản lý

3.2. Đối với thời gian, tỷ lệ hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (tại Điều 4)

a. Về quy định tính hao mòn hoặc trích khấu hao

Tại Điều 7 Thông tư số 24/2025/TT-BTC ngày 09/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi quy định:

“1. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là tài sản cố định được giao cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý, khai thác phải tính hao mòn theo quy định tại Thông tư này, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

.....

2. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được trích khấu hao trong trường hợp giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi được tính (kết cấu) một phần hoặc toàn bộ chi phí khấu hao vào giá thành dịch vụ thủy lợi công ích.

.....

4. Việc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

.....

b) Căn cứ tình hình kết cấu chi phí khấu hao tài sản vào giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp xác định hình thức tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi như sau:

b1) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi không được tính (kết cấu) chi phí khấu hao tài sản vào giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện tính hao mòn toàn bộ;

b2) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được tính (kết cấu) toàn bộ chi phí khấu hao tài sản vào giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện trích khấu hao toàn bộ;

b3) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được tính (kết cấu) một phần chi phí khấu hao tài sản vào giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi vừa thực hiện tính hao mòn, vừa thực hiện trích khấu hao”.

Như vậy, căn cứ quy định trên, thì việc quy định tính hao mòn hoặc trích khấu hao đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi còn phụ thuộc vào kết cấu chi phí khấu hao tài sản vào giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi. Bộ Tài chính quy định lộ trình chi phí khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được trích khấu hao theo quy định của pháp luật. Nội dung này cũng được quy định tại Điều 8 Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. **Sở Nông nghiệp và Môi trường đã lựa chọn đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện tính hao mòn hoặc trích khấu hao để phù hợp với lộ trình giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi do Bộ Tài chính quy định.**

b. Về thời gian, tỷ lệ tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

Thông tư số 24/2025/TT-BTC ngày 09/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã quy định khung thời gian, tỷ lệ tính hao mòn/trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; *trong đó chỉ áp dụng cho tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi giao cho cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước quản lý theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp*. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã căn cứ đặc điểm của hệ thống công trình thủy lợi, thực tiễn công tác quản lý, vận hành để đề xuất cụ thể thời gian, tỷ lệ tính hao mòn/trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi như sau:

- Trường hợp đối tượng ghi sổ kế toán là hệ thống kết cấu hạ tầng hoàn chỉnh

TT	Nội dung so sánh	Loại tài sản	Thời gian tính hao mòn/ trích khấu hao (năm)	Tỷ lệ hao mòn/khấu hao (%/năm)
1	Thông tư số 24/2025/TT-BTC	Hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi hoàn chỉnh	20 - 80	5 – 1,25
2	Dự thảo Quyết định	Hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi hoàn chỉnh	50	2

- Trường hợp đối tượng ghi sổ kế toán là từng tài sản độc lập

TT	Loại tài sản	Thông tư số 24/2025/TT-BTC		Dự thảo Quyết định		Ghi chú
		Thời gian tính hao mòn/ trích khấu hao (năm)	Tỷ lệ hao mòn/khấu hao (%/năm)	Thời gian tính hao mòn/ trích khấu hao (năm)	Tỷ lệ hao mòn/khấu hao (%/năm)	
1	Trụ sở làm việc, nhà quản lý, trạm quản lý (không bao gồm trụ sở làm việc, văn phòng làm việc của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi nằm ngoài phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi) ¹					
	- Cấp I	50	2	50	2	Giữ nguyên như Thông tư
	- Cấp II	25	4	25	4	Giữ nguyên như Thông tư
	- Cấp III	20	5	20	5	Giữ nguyên như Thông tư
	- Cấp IV	15	6,67	15	6,67	Giữ nguyên như Thông tư
2	Đập, hồ chứa nước ²					
	- Đặc biệt	60	1,67	60	1,67	Giữ nguyên như Thông tư
	- Cấp I	50	2	50	2	Giữ nguyên như Thông tư
	- Cấp II	40	2,5	40	2,5	Giữ nguyên như Thông tư
	- Cấp III	25	4	25	4	Giữ nguyên như Thông tư
	- Cấp IV	20	5	20	5	Giữ nguyên như

¹ Cấp công trình căn cứ theo pháp luật về xây dựng

² Cấp công trình căn cứ theo pháp luật về thủy lợi

TT	Loại tài sản	Thông tư số 24/2025/TT-BTC		Dự thảo Quyết định		Ghi chú
		Thời gian tính hao mòn/ trích khấu hao (năm)	Tỷ lệ hao mòn/khấu hao (%/năm)	Thời gian tính hao mòn/ trích khấu hao (năm)	Tỷ lệ hao mòn/khấu hao (%/năm)	
						Thông tư
3	Cống	5 ÷ 25	20 ÷ 4			Dựa theo cấp công trình (phân loại theo diện tích phục vụ và không có cấp đặc biệt)
	- Cấp I			25	4	Có nhiệm vụ cấp nước hoặc tiêu thoát nước từ 50.000 ha trở lên
	- Cấp II			22	4,55	Có nhiệm vụ cấp nước hoặc tiêu thoát nước từ 10.000ha đến 50.000 ha
	- Cấp III			20	5	Có nhiệm vụ cấp nước hoặc tiêu thoát nước từ hơn 2.000ha đến dưới 10.000 ha
	- Cấp IV			15	6,67	Có nhiệm vụ cấp nước hoặc tiêu thoát nước từ 2.000ha trở xuống
4	Trạm bơm	15 ÷ 50	6,67 ÷ 2			Dựa theo cấp công trình (phân loại theo diện tích phục vụ và không có cấp đặc biệt)
	- Cấp I			45	2,22	Có nhiệm vụ cấp nước hoặc tiêu thoát nước từ 50.000 ha trở lên
	- Cấp II			35	2,86	Có nhiệm vụ cấp nước hoặc tiêu thoát nước từ 10.000ha đến 50.000 ha

TT	Loại tài sản	Thông tư số 24/2025/TT-BTC		Dự thảo Quyết định		Ghi chú
		Thời gian tính hao mòn/ trích khấu hao (năm)	Tỷ lệ hao mòn/khấu hao (%/năm)	Thời gian tính hao mòn/ trích khấu hao (năm)	Tỷ lệ hao mòn/khấu hao (%/năm)	
	- Cấp III			25	4	Có nhiệm vụ cấp nước hoặc tiêu thoát nước từ hơn 2.000ha đến dưới 10.000 ha
	- Cấp IV			20	5	Có nhiệm vụ cấp nước hoặc tiêu thoát nước từ 2.000 ha trở xuống
5	Hệ thống dẫn, chuyển nước	15 ÷ 20	6,67 ÷ 5	15	6,67	
6	Kè	10 ÷ 30	10 ÷ 3,33	15	6,67	
7	Bờ bao thủy lợi	15 ÷ 30	6,67 ÷ 3,33	Không quy định do trên địa bàn tỉnh không có bờ bao thủy lợi		
8	Thiết bị quan trắc	5 ÷ 10	20 ÷ 10	8	12,5	
9	Kho, bãi vật tư, vật liệu	8 ÷ 20	12,5 ÷ 5	15	6,67	
10	Cột mốc chỉ giới, biển báo	8 ÷ 10	12,5 ÷ 10	10	10	
11	Công trình, vật kiến trúc còn lại phục vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi.	8 ÷ 10	12,5 ÷ 10	10	10	

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành quyết định

Nội dung của dự thảo không làm phát sinh kinh phí thực hiện.

2. Thời gian trình ban hành quyết định:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 thì thời điểm có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương. Quá trình ban hành còn phải thực hiện các bước tiếp theo như xin ý kiến các thành viên UBND tỉnh. Vì vậy, về thời gian hiệu lực văn bản kính đề nghị UBND tỉnh bổ sung thời điểm ban hành Quyết định đảm bảo mốc thời điểm trên.

Trên đây là Tờ trình về việc ban hành Quyết định quy định thời gian, tỷ lệ tính hao mòn; thời gian, tỷ lệ trích khấu hao đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định ./.

(Xin gửi kèm theo các văn bản: (1) Dự thảo Quyết định; (2) Báo cáo thẩm định; (3) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; (4) Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp của cơ quan, tổ chức, cá nhân và các văn bản có liên quan; (5) Bản so sánh và các tài liệu liên quan khác).

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGD Sở;
- Các Phòng KHTC, QLXDCT, TNN;
- VP Sở;
- Chi cục Thủy lợi (TL₀₂);
- Lưu: VT,.

GIÁM ĐỐC

Lê Ngọc Huấn